



Bộ Xây dựng
20-12-2024
17:11:24 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2024/TT-BXD

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

**Quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo,
thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Xây dựng**

Căn cứ Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê phát thải khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Xây dựng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực và cơ sở thuộc phạm vi quản lý ngành Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Các cơ sở thuộc Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành Xây dựng theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg

ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật);

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực và cấp cơ sở thuộc ngành Xây dựng.

2. Khuyến khích các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và tòa nhà không thuộc điểm a khoản 1 Điều này cung cấp thông tin phục vụ kiểm kê khí nhà kính, đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý ngành Xây dựng và áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tòa nhà là các tòa nhà thương mại, dịch vụ được nêu tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg.

2. Phát thải khí nhà kính là hoạt động giải phóng khí nhà kính vào trong khí quyển.

3. Nguồn phát thải khí nhà kính là nơi xảy ra các quá trình vật lý, hóa học gây phát thải khí nhà kính hoặc các hoạt động sử dụng điện hoặc nhiệt trong sản xuất, vận hành có nguồn gốc liên quan đến nhiên liệu hoá thạch.

4. Số liệu hoạt động là số liệu định lượng của các loại nhiên liệu, vật chất sử dụng tại nguồn phát thải khí nhà kính.

5. Năm cơ sở là thời điểm quy định để thu thập số liệu hoạt động, tính toán mức phát thải khí nhà kính của quốc gia, lĩnh vực hoặc cơ sở.

6. VILAS là hệ thống công nhận phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn của Việt Nam, phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

Điều 4. Yêu cầu kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Yêu cầu về kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được quy định tại Thông tư này phải đảm bảo các yêu cầu được quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Cụ thể như sau:

a) Đầy đủ: thực hiện kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với tất cả các nguồn phát thải khí nhà kính. Các số liệu thu thập liên tục, không gián đoạn và có giải trình khi có bổ sung, loại trừ so với quy định;

b) Nhất quán: thực hiện kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đảm bảo thống nhất về số liệu, chuỗi số liệu và phương pháp tính toán. Khi có sự thay đổi cần có báo cáo so sánh, đối chứng;

c) Minh bạch: thực hiện kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm các tài liệu, dữ liệu giả định, số liệu hoạt động, các hệ số áp dụng, phương pháp tính toán được giải thích rõ ràng, trích dẫn nguồn và lưu giữ để đảm bảo độ tin cậy và tính chính xác cao;

d) Chính xác: tính toán kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đảm bảo độ tin cậy theo phương pháp luận lựa chọn và giảm tối đa các sai lệch.

2. Yêu cầu về thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được quy định tại Điều 9 Thông tư 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 5. Quy trình kiểm kê khí nhà kính

Quy trình kiểm kê khí nhà kính được thực hiện theo trình tự các bước sau:

1. Xác định phạm vi kiểm kê khí nhà kính.
2. Xác định phương pháp thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính.
3. Thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính.
4. Lựa chọn hệ số trong tính toán phát thải khí nhà kính.
5. Tính toán phát thải khí nhà kính.
6. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng kiểm kê khí nhà kính.
7. Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê khí nhà kính.
8. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính.
9. Xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính.
10. Thẩm định và nộp kết quả kiểm kê khí nhà kính.

Điều 6. Quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được thực hiện theo trình tự các bước sau:

1. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
2. Đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

3. Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
4. Thẩm định và nộp kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH CẤP LĨNH VỰC

Điều 7. Xác định phạm vi kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực cho các hoạt động sau:
 - a) Quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng, vôi, kính xây dựng và vật liệu xây dựng khác);
 - b) Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng (sản xuất vật liệu xây dựng và toà nhà).
2. Nguồn phát thải khí nhà kính từ quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng bao gồm phát thải từ quá trình nung nguyên liệu có chứa gốc cacbonat ($-\text{CO}_3$).
3. Nguồn phát thải từ tiêu thụ năng lượng trong xây dựng bao gồm phát thải từ sử dụng nhiên liệu cho quá trình đốt nhiên liệu và sử dụng điện.
4. Thời gian thu thập số liệu hoạt động: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của kỳ kiểm kê.
5. Loại khí nhà kính được kiểm kê: CO_2 , CH_4 , N_2O .

Điều 8. Xác định phương pháp thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

Phương pháp thu thập số liệu hoạt động, tính toán theo một trong 03 cách sau:

1. Từ trên xuống: Số liệu hoạt động của nguồn phát thải được tổng hợp từ số liệu thống kê và khảo sát của ngành. Tính toán phát thải khí nhà kính theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này, lựa chọn hệ số phát thải theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.
2. Từ dưới lên: Số liệu hoạt động của nguồn phát thải được tổng hợp từ số liệu khảo sát, báo cáo hoạt động của tất cả các cơ sở thuộc phạm vi ngành. Tính toán phát thải khí nhà kính theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này, lựa chọn hệ số phát thải theo quy định tại Điều 20 của Thông tư này.
3. Kết hợp: Số liệu hoạt động của nguồn phát thải được tổng hợp từ số liệu thống kê, khảo sát ngành và cơ sở. Tính toán theo quy định phù hợp với số liệu tổng hợp được.

Điều 9. Thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

Số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực được thu thập như sau:

1. Thu thập số liệu theo biểu mẫu số XD01 và XD02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thu thập và tổng hợp số liệu theo biểu mẫu từ các nguồn số liệu sau:

a) Số liệu từ cơ quan quản lý nhà nước về thống kê, Bộ Xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và các bộ ngành, cơ quan chuyên ngành liên quan khác...;

b) Số liệu nghiên cứu, báo cáo, quy định của Bộ Xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và các bộ ngành, cơ quan chuyên ngành liên quan khác được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các kết quả đề tài, nhiệm vụ, dự án đã được nghiệm thu;

c) Số liệu nghiên cứu, khảo sát, phân tích, tổng hợp từ cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, tòa nhà thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg;

d) Số liệu nghiên cứu, khảo sát, phân tích, tổng hợp từ cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, tòa nhà thuộc danh mục sử dụng năng lượng trọng điểm của Thủ tướng Chính phủ;

e) Số liệu phân tích của phòng thí nghiệm đạt chuẩn VILAS hoặc tương đương.

3. Hồ sơ minh chứng nguồn gốc số liệu sử dụng cho tính toán kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực phải được lưu giữ để phục vụ hoạt động thẩm định.

Điều 10. Lựa chọn hệ số trong tính toán phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Sử dụng các hệ số nhiệt trị nhiên liệu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sử dụng hệ số phát thải cấp lĩnh vực được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và các hệ số phát thải thay thế, cập nhật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu ban hành. Hệ số phát thải lưới điện quốc gia áp dụng theo hệ số công bố của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền. Khi chưa có hệ số phát thải cập nhật, phải áp dụng hệ số của năm gần nhất.

3. Hệ số làm nóng lên toàn cầu được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Tính toán phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Lượng phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực bằng tổng phát thải từ quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng, kính, vôi, vật liệu xây dựng khác) và tiêu thụ năng lượng trong xây dựng (sản xuất vật liệu xây dựng và toà nhà), được tính toán theo công thức tính như sau:

$$E_{XD} = E_{CN} + E_{NL}$$

Trong đó:

E_{XD} : Phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, đơn vị tấn khí CO₂ tương đương (viết tắt CO₂td)

E_{CN} : Phát thải khí nhà kính từ quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng, tấn CO₂td

E_{NL} : Phát thải khí nhà kính từ tiêu thụ năng lượng trong xây dựng, tấn CO₂td

2. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính được quy định tại khoản 1 Điều 7 và mục 1.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nguồn phát thải được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư này.

4. Công thức tính cho từng nguồn phát thải được quy định tại mục 1.2 đến mục 1.8 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 12. Kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Bộ Xây dựng thực hiện kiểm soát chất lượng kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo các nội dung sau:

a) Tính đầy đủ của nội dung báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này;

b) Đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

2. Việc rà soát, đảm bảo chất lượng các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện bởi các đơn vị, cá nhân không tham gia vào quá trình kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực.

3. Các phát hiện, khuyến nghị trong quá trình kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng cần được lập thành báo cáo, làm cơ sở điều chỉnh kết quả kiểm kê và tham khảo cho quá trình xác minh, thẩm định.

Điều 13. Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Độ không chắc chắn về kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực được thực hiện cho tất cả các nguồn phát thải khí nhà kính được kiểm kê để đưa ra các hoạt động ưu tiên giảm độ không chắc chắn trong các kỳ kiểm kê tiếp theo.

2. Phương pháp xác định độ không chắc chắn về kết quả kiểm kê được lựa chọn và thực hiện theo quy định tại Chương 3 Phần 1 Hướng dẫn của Ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu năm 2006 (IPCC 2006) và IPCC 2019 về kiểm kê khí nhà kính quốc gia.

Điều 14. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Tính toán lại kết quả kiểm kê phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực được thực hiện khi có yêu cầu nâng cao độ chính xác, minh bạch trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi về phương pháp tính toán phát thải, cải thiện độ chính xác của dữ liệu dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong kết quả kiểm kê khí nhà kính gần nhất;

b) Có sự thay đổi về phạm vi kiểm kê;

c) Có sự thay đổi về nguồn và hệ số phát thải khí nhà kính.

2. Có bổ sung nội dung kết quả tính toán lại của kỳ kiểm kê trước vào Báo cáo kiểm kê khí nhà kính được tính toán của kỳ báo cáo.

Điều 15. Xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

2. Thời gian thực hiện báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

Điều 16. Thẩm định và nộp kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Bộ Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.

2. Bộ Xây dựng gửi báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực đã được thẩm định về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

Chương III

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH CẤP CƠ SỞ

Điều 17. Xác định phạm vi kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở được thực hiện với các nguồn phát thải sau đây:

a) Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng: Phát thải từ sử dụng nhiên liệu cho quá trình đốt, từ sử dụng điện mua vào và từ nung nguyên liệu có chứa gốc cacbonat ($-\text{CO}_3$);

b) Toà nhà: Phát thải từ sử dụng nhiên liệu cho quá trình đốt, từ sử dụng điện mua vào và từ sử dụng thiết bị làm mát (điều hoà, tủ lạnh, tủ đông, chiller, bơm nhiệt...).

2. Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở: Tọa độ địa lý hành chính của cơ sở.

3. Thời gian thu thập số liệu hoạt động: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của kỳ kiểm kê.

4. Loại khí nhà kính được kiểm kê: CO_2 , CH_4 , N_2O .

Điều 18. Xác định phương pháp thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

Cơ sở thực hiện thu thập số liệu hoạt động theo phương pháp sau:

1. Đo đạc, phân tích, tính toán thực tế tại doanh nghiệp.

2. Đo đạc, phân tích, tính toán của nhà cung cấp nguyên vật liệu.

Điều 19. Thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Thu thập số liệu theo biểu mẫu số CS01 và biểu mẫu số CS02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thu thập và tổng hợp số liệu theo biểu mẫu từ các nguồn số liệu sau:

a) Báo cáo thực hiện tiêu hao vật tư sản phẩm cho quá trình sản xuất đơn vị;

b) Hoá đơn mua hàng, hợp đồng, cam kết của đơn vị cung cấp nguyên nhiên vật liệu;

c) Phân tích của phòng thí nghiệm đạt chuẩn VILAS hoặc tương đương;

d) Đồng hồ đo còn hiệu lực hiệu chỉnh và kiểm định.

2. Cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng số liệu hoạt động để phục vụ hoạt động thẩm định khi có yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

Điều 20. Lựa chọn hệ số trong tính toán phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Sử dụng giá trị nhiệt trị nhiên liệu được xác định thực tế tại cơ sở. Trong trường hợp không có sẵn số liệu thực tế, sử dụng hệ số được quy định tại mục 5.2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sử dụng hệ số phát thải được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ sở được phép sử dụng hệ số phát thải thay thế phù hợp với điều kiện thực tế và cần phải có tài liệu minh chứng. Hệ số phát thải lưới điện quốc gia áp dụng theo hệ số công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi chưa có hệ số phát thải cập nhật, phải áp dụng hệ số của năm gần nhất.

3. Hệ số làm nóng lên toàn cầu được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ sở cần lựa chọn, áp dụng hệ số tương đương với các hệ số làm nóng lên toàn cầu được sử dụng trong các báo cáo, thông báo quốc gia mới nhất.

Điều 21. Tính toán phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Lượng phát thải khí nhà kính của cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, tòa nhà được tính bằng công thức chung sau:

$$E_{CS} = \sum_n E_n$$

Trong đó:

E_{CS} : Phát thải khí nhà kính của cơ sở, tấn CO₂tđ

E_n : Phát thải khí nhà kính từ các nguồn phát thải, tấn CO₂tđ

2. Nguồn phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này và mục 1.1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công thức tính phát thải khí nhà kính đối với từng nguồn phát thải được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Kiểm soát chất lượng kiểm kê phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Quy trình kiểm soát chất lượng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở do cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại tiểu mục 6.1.2 Mục 6 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14064-1:2011 Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn để định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ cơ sở.

2. Các phát hiện hạn chế về số liệu hoạt động, hệ số phát thải, kết quả tính toán phát thải trong quá trình kiểm soát chất lượng cần được tổng hợp trong báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, làm căn cứ để điều chỉnh kết quả kiểm kê và tham khảo cho quá trình xác minh, thẩm định.

Điều 23. Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở phải được thực hiện cho các nguồn phát thải khí nhà kính của cơ sở để đưa ra các hoạt động ưu tiên giảm độ không chắc chắn trong các kỳ kiểm kê tiếp theo.

2. Phương pháp xác định độ không chắc chắn về kết quả kiểm kê được lựa chọn và thực hiện theo quy định tại Chương 3 Phần 1 Hướng dẫn của Ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu năm 2006 (IPCC 2006) và IPCC 2019 về kiểm kê khí nhà kính quốc gia.

Điều 24. Tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Việc tính toán lại kết quả kiểm kê phát thải khí nhà kính cấp cơ sở nhằm nâng cao độ chính xác, minh bạch và được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi về phạm vi, ranh giới hoạt động dẫn tới thay đổi về các nguồn phát thải và số liệu hoạt động của cơ sở;

b) Có sự thay đổi về nguồn phát thải khí nhà kính do sự thay đổi quyền sở hữu, vận hành của cơ sở;

c) Có sự thay đổi trong phương pháp tính toán phát thải và áp dụng hệ số phát thải;

d) Có sự thay đổi, cập nhật số liệu hoạt động nhằm cải thiện độ chính xác của dữ liệu dẫn đến sự thay đổi trên 10% so với kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được cơ sở báo cáo.

2. Cơ sở có trách nhiệm bổ sung nội dung tính toán lại kết quả kiểm kê khí nhà kính của kỳ kiểm kê trước vào trong Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở của kỳ báo cáo.

Điều 25. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở được thực hiện định kỳ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

2. Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở được thực hiện theo mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định 06/2022/NĐ-CP.

3. Phát thải khí nhà kính từ đốt sinh khối phải được kiểm kê và khai báo riêng. Tổng phát thải khí nhà kính cấp cơ sở không bao gồm phát thải khí nhà kính từ đốt sinh khối.

Điều 26. Thẩm định và nộp kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Quy trình thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.

2. Cơ sở nộp báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

3. Cơ sở hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính theo thông báo kết quả thẩm định và nộp báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 11 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và khoản 4 Điều 12 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.

Chương IV

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH GIẢM NHẹ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CẤP LĨNH VỰC

Điều 27. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lãnh vực

Việc đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính căn cứ theo Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lãnh vực. Cụ thể:

1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lãnh vực thực hiện theo mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 06/2022/NĐ-CP.

2. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lãnh vực căn cứ vào khả năng thực hiện các biện pháp giảm nhẹ sau:

a) Các biện pháp được quy định tại mục 2.1 và mục 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các biện pháp về chính sách, thiết kế, thi công, quản lý, vận hành, tài chính khác.

Điều 28. Đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lãnh vực

1. Đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lãnh vực theo công thức sau:

$$ER_y = \sum_k ER_{y,k}$$

Trong đó:

ER_y : Mức giảm phát thải khí nhà kính, tấn CO_2 td

$ER_{y,k}$: Mức giảm phát thải khí nhà kính của biện pháp giảm nhẹ k, tấn CO_2 td

2. Thu thập số liệu xác định mức giảm nhẹ của từng biện pháp được thực hiện tương ứng theo biểu mẫu từ XD03 đến XD11 Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này.

3. Đo đạc, xác định kết quả thực hiện từng biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 29. Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực thực hiện theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định 06/2022/NĐ-CP.

2. Thực hiện báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

Điều 30. Thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

1. Bộ Xây dựng chủ trì tổ chức thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.

2. Bộ Xây dựng gửi báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

Chương V

KỸ THUẬT ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CẤP CƠ SỞ

Điều 31. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

Việc đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính căn cứ theo Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở. Cụ thể:

1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

2. Cơ sở xác định kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo khả năng thực hiện các biện pháp giảm nhẹ được quy định tại mục 2.1 và mục 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 32. Đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Đo đạc kết quả thực hiện từng biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Thu thập số liệu xác định mức giảm nhẹ của từng biện pháp được thực hiện tương ứng theo biểu mẫu CS03 đến CS11 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 33. Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được thực hiện định kỳ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.
2. Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

Điều 34. Thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Cơ sở gửi báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho đơn vị thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10, Điều 14 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.
2. Thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở thực hiện theo quy trình được quy định tại Điều 13 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.
3. Cơ sở hoàn thiện báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo thông báo kết quả thẩm định và nộp báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2025.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực và tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý ngành Xây dựng tại địa phương.
2. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra thực hiện

các quy định tại Thông tư này đối với các cơ sở thuộc ngành Xây dựng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

3. Các cơ sở thuộc danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc ngành Xây dựng theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg chịu trách nhiệm lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; lập và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phối hợp thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý ngành Xây dựng.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Bộ Xây dựng để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo, Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT của Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Xuân Dũng

Phụ lục I
XÁC ĐỊNH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH
(Kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BXD ngày 20/12 /2024
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1.1. Phạm vi áp dụng công thức tính phát thải khí nhà kính

Áp dụng công thức tính phát thải khí nhà kính đối với các hoạt động sau đây:

STT	Nguồn phát thải khí nhà kính	Sản xuất vật liệu xây dựng				Tòa nhà
		Sản xuất xi măng	Sản xuất vôi	Sản xuất kính	Sản xuất vật liệu xây dựng khác	
I	Cấp lĩnh vực					
1	Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng - Sử dụng nhiên liệu cho quá trình đốt	x	x	x	x	x
2	Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng - Sử dụng điện có nguồn gốc hoá thạch	x	x	x	x	x
3	Quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng —Nung nguyên liệu chứa gốc cacbonat	x	x	x	x	
II	Cấp cơ sở					
1	Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng - Sử dụng nhiên liệu cho quá trình đốt	x	x	x	x	x
2	Tiêu thụ năng lượng trong xây dựng - Sử dụng điện có nguồn gốc hoá thạch	x	x	x	x	x
3	Quá trình công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng - Nung nguyên liệu chứa gốc cacbonat	x	x	x	x	
4	Sử dụng thiết bị làm mát					x

1.2. Công thức tính phát thải khí nhà kính từ sử dụng nhiên liệu cho quá trình đốt

$$E_{NL} = \sum_j \sum_i Q_j \times NCV_j \times EF_{i,j} \times GWP_i \times 10^{-6}$$